

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 12
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 54

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung về Ngân hàng:

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á ("Ngân hàng") được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") đã cấp giấy phép số 55/GP-NHNN về việc thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. Giấy phép này thay thế cho Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 9 tháng 5 năm 2003 do NHNNVN cấp; Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2003.

Hoạt động của Ngân Hàng:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - + Cho vay;
 - + Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - + Bảo lãnh ngân hàng;
 - + Phát hành thẻ tín dụng;
 - + Bao thanh toán trong nước.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - + Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - + Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản
 - + Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - + Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài khác.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định.
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
- Mua nợ.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- Ví điện tử.

Tên viết tắt: VIETABANK

Trụ sở chính: 34A-34B Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị

Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT	Chủ tịch
Ông PHAN VĂN TỐI	Phó Chủ tịch
Ông PHƯƠNG XUÂN THỤY	Phó Chủ tịch
Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Thành viên
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Thành viên
Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN KIM PHƯỢNG	Trưởng ban
Bà NGUYỄN THỊ HOAN	Thành viên
Ông HOÀNG VŨ TÙNG	Thành viên

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông NGUYỄN VĂN HẢO	Tổng Giám đốc	
Ông PHẠM LINH	Phó Tổng Giám đốc	
Ông TRẦN TIẾN DŨNG	Phó Tổng Giám đốc	
Ông VŨ ĐỨC HƯNG	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm kể từ ngày 17/10/2019)
Ông LÊ MINH HUẤN	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm kể từ ngày 02/12/2019)
Ông LÃ QUANG TRUNG	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông PHƯƠNG HỮU VIỆT

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO

Tổng Giám đốc



Số: A0619260-R/AISC-DN6

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ VỊ CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á ("Ngân hàng"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2020

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đương Thị Phương Anh
Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Tạ Văn Giới
Số GCNĐKHNKT: 3497-2016-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

10/01/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	266.475.949.276	318.618.212.910
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	2.941.222.700.590	440.947.678.293
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	11.627.382.764.646	15.267.644.813.949
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		11.627.382.764.646	15.267.644.813.949
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.4	49.127.120.000	883.750.000
VI. Cho vay khách hàng		42.158.036.315.716	37.522.475.137.691
1. Cho vay khách hàng	V.5.1	42.623.753.622.624	37.916.118.452.171
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.5.2	(465.717.306.908)	(393.643.314.480)
VII. Hoạt động mua nợ	V.06	1.518.946.560	1.518.946.560
1. Mua nợ		1.518.946.560	1.518.946.560
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.07	13.442.438.356.158	12.095.661.282.116
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		10.218.379.052.113	8.455.196.627.744
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		4.062.797.278.819	4.287.647.188.025
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(838.737.974.774)	(647.182.533.653)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.08	813.373.630.000	813.373.630.000
1. Đầu tư vào công ty con		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		313.373.630.000	313.373.630.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
X. Tài sản cố định		196.453.274.270	195.292.294.679
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	80.380.130.727	80.696.088.796
a. Nguyên giá TSCĐ		309.440.815.472	292.098.153.004
b. Hao mòn TSCĐ		(229.060.684.745)	(211.402.064.208)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá TSCĐ		-	-
b. Hao mòn TSCĐ		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	116.073.143.543	114.596.205.883
a. Nguyên giá TSCĐ		216.317.193.940	212.717.049.940
b. Hao mòn TSCĐ		(100.244.050.397)	(98.120.844.057)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản Có khác	V.11	5.023.983.724.913	4.658.383.722.124
1. Các khoản phải thu		750.346.293.208	1.018.719.659.680
2. Các khoản lãi, phí phải thu		3.111.601.728.533	2.411.268.413.535
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		1.187.035.703.172	1.228.395.648.909
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(25.000.000.000)	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		76.520.012.782.129	71.314.799.468.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.12	-	10.171.722.067
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.13	21.416.475.700.130	22.714.461.659.651
1. Tiền gửi của các TCTD khác		12.748.638.300.157	16.100.806.728.273
2. Vay các TCTD khác		8.667.837.399.973	6.613.654.931.378
III. Tiền gửi của khách hàng	V.14	47.509.150.822.130	41.417.780.301.242
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.15	6.546.256.000	14.258.508.000
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.16	1.249.345.128.315	1.682.143.421.968
VII. Các khoản nợ khác	V.17	1.891.596.690.233	1.256.670.168.123
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.373.901.578.799	1.010.318.361.845
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		517.695.111.434	246.351.806.278
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		72.073.114.596.808	67.095.485.781.051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
VIII. Vốn chủ sở hữu	V.18	4.446.898.185.321	4.219.313.687.271
1. Vốn của TCTD		3.500.102.540.351	3.500.102.540.351
a. Vốn điều lệ		3.499.990.470.000	3.499.990.470.000
b. Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		98.600.000	98.600.000
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		13.470.351	13.470.351
2. Quỹ của TCTD		216.017.580.634	184.907.949.050
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		730.778.064.336	534.303.197.870
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		76.520.012.782.129	71.314.799.468.322

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.34	11.921.835.076.420	2.713.815.000.000
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		231.730.000.000	162.365.000.000
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		-	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		11.690.105.076.420	2.551.450.000.000
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.34	158.276.346.490	29.437.822.914
5. Bảo lãnh khác	VIII.34	548.756.050.446	550.276.757.476
6. Các cam kết khác		-	-

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.19	4.918.276.256.214	4.244.311.071.945
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.20	3.902.191.233.892	3.135.071.834.729
I. Thu nhập lãi thuần		1.016.085.022.322	1.109.239.237.216
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		18.774.353.268	11.420.619.406
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		36.044.771.564	22.852.646.329
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.21	(17.270.418.296)	(11.432.026.923)
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.22	9.619.206.443	(978.600.810)
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.23	2.280.537.636	2.856.913.757
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.24	1.819.467.837	1.650.194.010
5. Thu nhập từ hoạt động khác		224.264.102.114	65.297.018.554
6. Chi phí hoạt động khác		6.548.771.530	2.079.768.665
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.25	217.715.330.584	63.217.249.889
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.26	1.165.328.500	1.412.328.500
VIII. Chi phí hoạt động	VI.27	592.634.508.285	555.457.603.373
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		638.779.966.741	610.507.692.266
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	VI.28	342.775.334.805	464.148.074.298
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		296.004.631.936	146.359.617.968
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		68.420.133.886	30.435.052.608
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.29	68.420.133.886	30.435.052.608
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		227.584.498.050	115.924.565.360

TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.221.998.155.281	4.670.050.915.516
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(3.539.577.451.080)	(2.956.956.501.194)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(17.270.418.296)	(11.432.026.923)
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		13.719.211.916	3.528.506.957
05. Thu nhập khác		(52.986.011.793)	(335.617.750.333)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		-	-
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(572.699.868.680)	(526.533.689.885)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(33.864.594.186)	(44.148.403.020)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		19.319.023.162	798.891.051.118
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		(50.000.000.000)	900.000.000.000
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.346.777.074.042)	426.020.996.696
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(48.243.370.000)	677.800.000
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(4.707.635.170.453)	(3.689.500.881.810)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	-
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(69.519.368.368)	(1.157.137.129.802)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(10.171.722.067)	10.171.722.067
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(1.297.985.959.521)	(55.818.964.914)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		6.091.370.520.888	7.006.559.634.838
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(432.798.293.653)	(481.431.235.642)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(7.712.252.000)	(10.594.490.000)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		634.926.522.110	316.010.596.290
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng			
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.225.227.143.944)	4.063.849.098.841
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(18.067.475.196)	(7.320.356.670)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	631.818.182
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1.165.328.500	1.412.328.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(16.902.146.696)	(5.276.209.988)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.242.129.290.640)	4.058.572.888.853
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.927.210.705.152	11.868.637.816.299
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.30	14.685.081.414.512	15.927.210.705.152

Tp. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Kế toán trưởng



LÊ QUANG TRUNG

Tổng Giám đốc




NGUYỄN VĂN HẢO